

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2021.

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Kương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị G, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 498, ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đ; (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 155, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/11/2020, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cùng ngày 23/11/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng tháng 8/2012, chị Võ Thị G và anh Nguyễn Thanh H quen biết nhau, sau khi tìm hiểu với nhau một thời gian và quyết định tiến đến hôn nhân, nên được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Đến ngày 21/8/2012, chị G với anh H cùng đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị G với anh H chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 7/2017 thì giữa chị G với anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là khi anh H đi làm thuê ở Thành phố H đã chung sống với người phụ nữ khác, chị G cũng đã đi lên khuyên ngăn và cho anh H cơ hội, nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Đến khoảng cuối năm 2017, do anh H sử dụng trái phép chất ma túy nên bị đưa đi cai nghiện tại Đắc Nông với thời gian 15 tháng. Trong khoảng thời gian này, chị G không có đến thăm nom anh H và chị G với anh H đã sống ly thân với nhau đến nay. Ngoài ra, chị G cũng đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện L 02 lần, nhưng chị G suy nghĩ lại và cho anh H một cơ hội để chị G với anh H hàn gắn nhưng anh H vẫn không sửa đổi bản thân, nên chị G tiếp tục nộp đơn khởi kiện để xin ly hôn với anh H. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị G với anh H đã không còn, không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị G với anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Võ Đăng N, sinh ngày 30/8/2015. Hiện nay, cháu H và N đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu H và N và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị G đi làm thuê cho công ty, nên thu nhập bình quân mỗi tháng cũng ổn định từ khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị G với anh H đều không có tài sản chung và nợ chung, nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo đơn Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 23/11/2020, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cùng ngày 23/11/2020 và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H thống nhất với lời trình bày của chị Võ Thị G về tình trạng hôn nhân là anh H với chị G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ vào ngày 21/8/2012. Thời gian đầu anh H với chị G chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì giữa anh H với chị G phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi anh H lên Thành phố H làm thuê thì có quen và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ tên Kiều. Đến khoảng cuối năm 2017, anh H có sử dụng trái phép chất ma túy (ma túy đá) nên bị đưa đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đắc Nông với thời gian 15 tháng. Đến

khoảng tháng 02/2019, anh H cai nghiện xong thì đã không còn qua lại với chị Kiều đến nay và trong suốt khoảng thời gian anh H cai nghiện thì chị G không đến thăm nom anh H. Từ đó đến nay, anh H với chị G đã sống ly thân với nhau. Sau đó, anh H có nghe người nhà báo lại là chị G có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện L 02 lần, nhưng đã rút lại đơn khởi kiện. Hiện nay, anh H vẫn còn tình cảm với chị G, vẫn còn thương vợ con nên anh H không đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị G về con chung là trong thời gian chung sống, anh H với chị G có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Võ Đăng N, sinh ngày 30/8/2015. Hiện nay, cháu H và N đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Trong trường hợp anh H ly hôn với chị G, thì anh H yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu H và N và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh H làm thuê cho người em thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị G về tài sản chung và nợ chung là trong thời gian chung sống, anh H với chị G đều không có tài sản chung và nợ chung, nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị G; Cho chị Võ Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H; Giao các cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Võ Đăng N, sinh ngày 30/8/2015 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Võ Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh H, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời, bị đơn Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại ấp Khánh Mỹ A, xã T, huyện L, tỉnh Đ, cho nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị G và bị đơn Nguyễn Thanh H kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L vào ngày 21/8/2012 theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Theo tinh thần hướng dẫn tại Mục 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi: *“Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hoà giải nhiều lần”*. Hoặc: *“Vợ hoặc chồng không chung thủy với nhau như có quan hệ ngoại tình, đã được người vợ hoặc chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình”*. Còn Mục đích của hôn nhân không đạt được, đó là: *“Không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt”*.

Xét thấy, tại phiên tòa, chị G và anh H đều thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị G với anh H là vào khoảng tháng 7/2017 khi anh H đi làm thuê ở Thành phố H thì có chung sống như vợ chồng với người phụ nữ tên Kiều và sau đó anh H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị đưa đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đắk Nông với thời gian 15 tháng. Trong suốt khoảng thời gian này, chị G không đến thăm nom anh H và chị G với anh H đã sống ly thân với nhau đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Đồng thời, chị G cũng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã 02 lần, nhưng đều rút lại đơn khởi kiện để chị G với anh H có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ để nuôi dạy các con. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 (khi anh H cai nghiện xong) đến nay đã gần tròn 02 năm, nhưng giữa chị G với anh H vẫn không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, vẫn

tiếp tục sống ly thân với nhau, vẫn tiếp tục không ai quan tâm đến ai. Hơn nữa, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiếp tục hoà giải, động viên chị G nhưng chị G vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh H. Điều này đã cho thấy, mâu thuẫn giữa chị G với anh H là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Chính vì vậy, việc nguyên đơn Võ Thị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh H đã thỏa mãn các điều kiện về căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại Mục 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Võ Đăng N, sinh ngày 30/8/2015, tính đến nay cháu H đã hơn 07 tuổi và cháu H cũng có văn bản trình bày nguyện vọng là mong muốn sống chung với chị G. Bên cạnh đó, từ trước đến nay, chị G cũng đã trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho cháu H và cháu N, được thể hiện thông qua việc các cháu H và N đều phát triển tốt. Hơn nữa, về điều kiện kinh tế của chị G cũng ổn định và đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của các cháu H và N. Điều này, chứng tỏ chị G đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho các cháu H và N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Võ Thị G là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Lẽ ra, anh Nguyễn Thanh H là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị Võ Thị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Về tài sản và nợ chung: Chị Võ Thị G và anh Nguyễn Thanh H đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Võ Thị G và bị đơn Nguyễn Thanh H đều có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị G.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị Võ Thị G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Võ Đăng N, sinh ngày 30/8/2015 (các cháu H và N hiện đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng).

Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị Võ Thị G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Nguyễn Thanh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Võ Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ

số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị G đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0009687 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Chị G đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Võ Thị G và bị đơn Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Tân Khánh Trung¹;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thành Nhân

¹ Đăng ký ngày 21/8/2012; Số 117; Quyền số 01/2012.